TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: **19**/2021/HNGĐ-PT Ngày 24 tháng 6 năm 2021 *(V/v xin ly hôn)*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Ông **Nguyễn Thế Phương**

- Ông **Dương Hùng Quang**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Thùy Linh** – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc *"Xin ly hôn"*.

Do Bản HNGĐ sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Phương Đ**, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp Chống Mỹ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Trần Thanh C**, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp Minh Hà A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trương Hoàng O**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp Chống Mỹ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Thanh C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Phương Đ và anh Trần Thanh C kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống đến nay có một con chung tên Trần Trương T Đ, sinh ngày 19/5/2011, hiện đang sống chung với chị Đ, về tài sản vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k và một xe mô tô hiệu Wave Anpha biển kiểm soát 69N1-166.33, vợ chồng không thiếu nợ ai, ngược lại cũng không ai thiếu nợ anh chị.

- Chị Đ xin được ly hôn anh C, xin được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản, số vàng 10 chỉ chị đã bán mua chiếc xe nhãn hiệu Wave Anpha nói trên

cho anh C quản lý, sử dụng từ năm 2012 đến nay. Giá trị xe lúc mua khoảng 20.000.000đ, tương đương khoảng 05 chỉ vàng 24K, phần còn lại của chị, đã chi xài hết nên không còn.

- Anh C đồng ý ly hôn, giao con cho chị Đ nuôi, không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản anh yêu cầu chia đôi số vàng 10 chỉ, chiếc xe là của cha vợ ông Trương Hoàng O mua cho vào năm 2012, giá xe lúc mua là 17.900.000đ, hiện trị giá xe còn lại khoảng 8.000.000đ, nếu ông O yêu cầu lấy lại xe thì anh sẽ trả cho ông O.

Ngoài ra, anh C cho rằng, trong quá trình sống chung với gia đình bên vợ, anh có tiếp cha vợ anh là ông Trương Hoàng O làm ruộng như xạ lúa, xịt thuốc, bón phân, dặm lúa, mỗi năm ông O thu nhập khoảng 100.000.000đ trên 15 công ruộng. Vì vậy, anh yêu cầu ông O chia cho anh công sức đóng góp 15% trong thời gian 10 năm bằng 150.000.000đ.

- Ông Trương Hoàng O trình bày: Việc mua xe là do vợ chồng anh C tự bán vàng mua, ông không có tiền để mua xe cho anh C sử dụng, Trong thời gian anh C cùng vợ và con sống chung với gia đình ông, ông không sử dụng sức lao động của anh C để tạo khối tài sản cho gia đình mà ngược lại, ông đã tạo mọi điều kiện thuận lợi như nơi ăn, chốn ở để anh C ra ngoài làm việc sinh sống nuôi vợ, con. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu chia công sức đóng góp mà anh C đặt ra.

Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 92/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tquyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Phương Đ và anh Trần Thanh C.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ và anh C tiếp tục giao cháu Trần Trương TĐ, sinh ngày 19/5/2011 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đ được chia 03 chỉ 05 ly vàng 24K và 4.000.000đ; anh C được chia 03 chỉ 05 ly vàng 24K và 01 xe Wave Anpha biển kiểm soát 69N1-166.33. Buộc chị Đ giao lại anh C 03 chỉ 05 ly vàng 24K; giao anh C tiếp tục quản lý, sử dụng xe Wave Anpha biển kiểm soát 69N1-166.33 và buộc anh C giao lại chị Đ 4.000.000đ.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về công sức đóng góp: Không chấp nhận yêu cầu của anh C đòi ông Trương Hoàng O chia công sức đóng góp 150.000.000đ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Đ phải chịu 300.000đ; án phí phân chia tài sản chung, chị Đ phải chịu 959.000đ, anh C phải chịu 959.000đ; án phí chia công sức đóng góp, anh C phải chịu 300.000đ. Ngày 17/4/2020, chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3483; ngày 07/8/2020, anh C đã nộp tạm ứng án phí 4.438.000đ theo biên lai số 4128 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển

thu. Chị Đ phải nộp tiếp 659.000đ; anh C được hoàn lại 3.179.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 15/4/2021 anh C kháng cáo yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, còn chiếc xe anh nhận và hoàn lại cho chị Đ 4.000.000đ. Yêu cầu ông O phải trả 150.000.000đ tiền công sức đóng góp của ông trong thời gian ở rể 11 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới chứng minh bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh C nộp trong hạn luật định, được HĐXX xem xét theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh C:

- Đối với yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k chung của hai vợ chồng: Số vàng chung của anh chị có được là số vàng mà cha mẹ anh cho trong ngày cưới, thực tế chỉ có 03 chỉ vàng 18K, và 07 chỉ vàng 24K, việc chị Đ tự nguyện chấp nhận tài sản chung của vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k là đã có lợi cho anh C. Anh C cho rằng chiếc xe là của ông O cha vợ là mua cho, nhưng lời khai của ông O không thừa nhận có mua xe cho anh C, trong khi đó anh C không có chứng cứ gì khác chứng minh cho việc vợ chồng có thu nhập khác thừa ra để mua xe, do đó lời khai của chị Đ về việc bán vàng chung của vợ chồng để mua xe cho anh C sử dụng là có căn cứ, nên kháng cáo yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k chung của hai vợ chồng là không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm phân chia số vàng còn lại sau khi đã bán mua xe, và chia giá trị xe hiện tại là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với yêu cầu ông O chia công sức đóng góp trong 11 năm thu hoạch lúa: Giữa anh C và ông O không có một văn bản hay thỏa thuận nào thể hiện anh C phải làm những công việc như xạ lúa, xịt thuốc, bón phân, dặm lúa, mỗi năm rồi ông O sẽ trả công cho anh C, ngược lại anh C cùng vợ và con sống chung với ông O, nương tựa vào ông O về chỗ ăn và chỗ ở, vợ chồng anh C đi làm công việc khác có thu nhập được tự chi xài không đóng góp vào chi xài hàng ngày của gia đình ông O, việc đồng áng của ông O làm theo mùa vụ không phải là công việc thường xuyên liên tục hàng ngày của anh C, hơn nữa anh C cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc ông O thu nhập từ trồng lúa mỗi năm 100.000.000đ, do đó yêu cầu chia công sức đóng góp của anh C không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Những vấn đề khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Án phí phúc thẩm anh C phải chịu theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thanh C, giữ y bản án HNGĐ sơ thẩm số: 92/2020/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T. *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Công nhận cho chị Trương Phương Đ và anh Trần Thanh C được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh C, tiếp tục giao cháu Trần Trương TĐ, sinh ngày 19/5/2011 cho chị Đ trực tiếp nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi con được quyền tới, lui thăm, chăm sóc và dạy con chung, không ai được cản trở. Ngược lại, anh không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Đ nuôi con.

3. Về tài sản chung phân chia như sau:

- Chị Đ được chia 03 chỉ 05 ly vàng 24K và 50% gia trị chiếc xe Wave Anpha biển kiểm soát 69N1-166.33, bằng 4.000.000đ.

- Anh C được chia 03 chỉ 05 ly vàng 24K và 50% gia trị chiếc xe Wave Anpha biển kiểm soát 69N1-166.33, bằng 4.000.000đ.

Tài sản anh, chị được chia, chị Đ đang quản lý vàng, chị có trách nhiệm hoàn lại cho anh C số vàng nêu trên. Anh C đang quản lý xe, được tiếp tục quản lý sở hữu xe và có trách nhiệm hoàn lại cho chị Đ 4.000.000đ. Đối với khoản tiền hoàn trả, kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không tự nguyện thanh toán xong, thì hàng tháng anh còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh C đòi ông Trương Hoàng O chia công sức đóng góp trong thời gian 11 năm ở rể bằng 150.000.000đ.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình, chị Đ phải chịu 300.000đ và 959.000đ án phí dân sự phân chia tài sản chung, ngày 17/4/2020 chị đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 3483 của Chi cục Thi hành án huyện T được đối trừ, chị phải nộp tiếp 959.000đ.

Anh C phải chịu 959.000đ án phí dân sự phân chia tài sản chung, và 300.000đ án phí chia công sức đóng góp, ngày 07/8/2020, anh đã nộp tạm ứng án phí 4.438.000đ theo biên lai số 4128 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, được đối trừ, anh được hoàn lại 3.179.000đ.

Án phí phúc thẩm anh C phải chịu, ngày 15/4/2021 anh đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 4859 của Chi cục Thi hành án huyện T được chuyển thu.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế